

NGHỊ QUYẾT

Quy định thời gian Quyết định, phê chuẩn và biểu mẫu lập các báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, quyết toán ngân sách địa phương hằng năm của UBND các cấp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Xét Tờ trình số 600/TTr-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành quy định thời gian quyết định, phê chuẩn và biểu mẫu lập các báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, quyết toán ngân sách địa phương hằng năm; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Thông nhất thông qua quy định thời gian quyết định, phê chuẩn và biểu mẫu lập các báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, quyết toán ngân sách địa phương hằng năm của UBND các cấp, như sau:

Điều 1. Thời gian phê chuẩn quyết toán ngân sách, thời gian gửi báo cáo của Ủy ban nhân dân các cấp cho Hội đồng nhân dân các cấp

1. Thời gian Hội đồng nhân dân cấp huyện (huyện, thành phố) và cấp xã (xã, phường, thị trấn) phê chuẩn quyết toán ngân sách năm trước của địa phương tại kỳ họp Hội đồng nhân dân giữa năm sau.

2. Thời gian Ủy ban nhân dân các cấp gửi báo cáo quyết toán ngân sách đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân cùng cấp

a) Cấp tỉnh

- Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để thẩm tra và cho ý kiến, chậm nhất ngày 18 tháng 11 năm sau;

- Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo;

- Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân tỉnh, chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân cuối năm sau.

b) Cấp huyện và cấp xã

- Thời gian Ủy ban nhân dân gửi báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp để thẩm tra và cho ý kiến, đồng thời gửi cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp, chậm nhất 15 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm sau của Hội đồng nhân dân;

- Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo;

- Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân cùng cấp, chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm sau của Hội đồng nhân dân.

3. Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để thẩm tra và cho ý kiến, chậm nhất ngày 18 tháng 11 năm thứ 5 của giai đoạn trước;

b) Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo;

c) Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân tỉnh, chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân cuối năm thứ 5 của giai đoạn trước.

4. Thời gian Ủy ban nhân dân các cấp gửi báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân cùng cấp

a) Cấp tỉnh

- Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để thẩm tra và cho ý kiến, chậm nhất là ngày 26 tháng 10 năm thứ 5 của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

- Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo;

- Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân tỉnh, chậm nhất ngày 09 tháng 11 năm thứ 5 của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

b) Cấp huyện

- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp để thẩm tra và cho ý kiến, chậm nhất là ngày 11 tháng 6 năm thứ 5 của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

- Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân cùng cấp, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo;

- Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân cấp huyện, chậm nhất ngày 18 tháng 6 năm thứ 5 của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

c) Cấp xã

- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp để thẩm tra và cho ý kiến, chậm nhất là ngày 11 tháng 3 năm thứ 5 của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

- Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân cùng cấp, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo;

- Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân cấp xã, chậm nhất ngày 18 tháng 3 năm thứ 5 của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

5. Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương

- Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để thẩm tra và cho ý kiến, chậm nhất là ngày 18 tháng 11 hằng năm;

- Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo;

- Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân tỉnh, chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân.

6. Thời gian Ủy ban nhân dân các cấp gửi dự toán, phân bổ ngân sách địa phương đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân cùng cấp

a) Cấp tỉnh

- Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để thẩm tra và cho ý kiến, chậm nhất là ngày 18 tháng 11 hằng năm;

- Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo;

- Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân tỉnh, chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân.

b) Cấp huyện

- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện để thẩm tra và cho ý kiến, chậm nhất là ngày 11 tháng 12 hằng năm;

- Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo;

- Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân cấp huyện, chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân.

c) Cấp xã

- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã để thẩm tra và cho ý kiến, chậm nhất là ngày 21 tháng 12 hằng năm;

- Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo;

- Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân cấp xã, chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân.

7. Thời gian giao dự toán ngân sách địa phương của Ủy ban nhân dân các cấp cho các cơ quan, đơn vị và ngân sách cấp dưới

a) Cấp tỉnh: Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua;

b) Cấp huyện: Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp huyện thông qua;

c) Cấp xã: Trước ngày 31 tháng 12 của năm hiện hành.

Điều 2. Thời gian gửi báo cáo quyết toán ngân sách các cấp

1. Đối với ngân sách các cấp

a) Đối với ngân sách cấp xã: Báo cáo quyết toán ngân sách cấp xã gửi phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện: Chậm nhất ngày 30 tháng 3 năm sau. Sau khi được Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo bổ sung quyết toán ngân sách gửi phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện;

b) Đối với ngân sách cấp huyện: Sau khi thẩm định báo cáo quyết toán ngân sách của cơ quan, đơn vị trực thuộc và ngân sách cấp xã, tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách cấp huyện gửi Sở Tài chính chậm nhất ngày 30 tháng 6 năm sau. Kèm theo các thông báo thẩm định quyết toán ngân sách các đơn vị trực thuộc và ngân sách cấp xã;

c) Đối với ngân sách cấp tỉnh: Sau khi thẩm định báo cáo quyết toán ngân sách của cơ quan, đơn vị trực thuộc và ngân sách cấp huyện, Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh, để trình Hội đồng nhân dân tỉnh và gửi Bộ Tài chính chậm nhất ngày 01 tháng 10 năm sau.

2. Đối với các đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện

a) Cấp tỉnh, do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, nhưng phải đảm bảo thời gian gửi báo cáo quyết toán năm cho Hội đồng nhân dân tỉnh và Sở Tài chính theo quy định;

b) Cấp huyện, do Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định, nhưng phải đảm bảo thời gian gửi báo cáo quyết toán năm cho Hội đồng nhân dân cùng cấp và Sở Tài chính theo quy định.

Điều 3. Quy định biểu mẫu

Biểu mẫu các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Ủy ban nhân dân cấp trên, cơ quan Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư phục vụ công tác lập báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, dự toán, phân bổ ngân sách địa phương và quyết toán ngân sách địa phương, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương (có Phụ lục và Biểu mẫu kèm theo).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trong trường hợp phát sinh các biểu mẫu khác theo quy định của Trung ương, giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IX, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 4 năm 2018.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 08/2005/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2005 của HĐND tỉnh Tây Ninh quy định thời gian gửi báo cáo dự toán, phương án phân bổ và quyết toán ngân sách địa phương của Ủy ban nhân dân các cấp đến Hội đồng nhân dân cùng cấp. / *XAM*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Kiểm toán nhà nước khu vực IV;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, TP;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP HĐND tỉnh.



Nguyễn Thành Tâm

Phụ lục
HỆ THỐNG BIỂU MẪU

**QUY ĐỊNH BIỂU MẪU PHỤC VỤ LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 05 NĂM ĐỊA PHƯƠNG, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ
CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM ĐỊA PHƯƠNG, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH-NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM ĐỊA
PHƯƠNG, DỰ TOÁN, PHÂN BỐ NGÂN SÁCH VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(kèm theo Nghị quyết số 02 /2018/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của HĐND tỉnh Tây Ninh)

Biểu mẫu	Nội dung	Cơ quan báo cáo và nhận báo cáo	Ghi chú
Phần thứ nhất	Kế hoạch tài chính 05 năm địa phương		
Biểu mẫu số 01	Dự báo một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu giai đoạn năm ... - ...	Dùng cho Cục Thống kê, Cục Hải quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và một số đơn vị có liên quan cung cấp số liệu cho Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh.	
Biểu mẫu số 02	Kế hoạch tài chính - ngân sách giai đoạn 05 năm ...-...	- Dùng cho UBND cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính và UBND cấp trên; - Dùng cho Cục Thuế, Cục Hải quan cung cấp số liệu cho Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh.	
Phần thứ hai	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương		
Biểu mẫu số 03	Dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm ...-...		
Biểu mẫu số 04	Tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị và địa phương giai đoạn 05 năm		Dùng cho các cơ quan, đơn vị và UBND cấp dưới báo cáo cơ quan kế hoạch và đầu tư, cơ quan tài chính và UBND cấp trên.
Biểu mẫu số 05	Danh mục chương trình, dự án dự kiến bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước giai đoạn 05 năm ...-...		
Biểu mẫu số 06	Danh mục chương trình, dự án dự kiến bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài (vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài) giai đoạn 05 năm ... - ...		

Biểu mẫu	Nội dung	Cơ quan báo cáo và nhận báo cáo	Ghi chú
Phần thứ ba	Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương		
Biểu mẫu số 07	Dự kiến cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 03 năm ...-...	Dùng cho UBND cấp tỉnh. Dùng cho UBND cấp huyện.	
Biểu mẫu số 08	Dự kiến thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực giai đoạn 03 năm ...-... ...	- Dùng cho UBND cấp tỉnh; - Dùng cho Cục Thuế Tài chính báo cáo UBND tỉnh. - Dùng cho UBND cấp huyện, huyện cung cấp số liệu cho Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh.	
Biểu mẫu số 09	Dự kiến cân đối nguồn thu, chi ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện giai đoạn 03 năm ...-...	Dùng cho UBND cấp tỉnh.	
Biểu mẫu số 10	Dự kiến chi ngân sách cấp tỉnh theo cơ cấu chi giai đoạn 03 năm ...-...	Dùng cho Sở Tài chính.	
Biểu mẫu số 11	Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương giai đoạn 03 năm ...-...	- Dùng cho UBND cấp tỉnh; - Dùng cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND cấp huyện; - Dùng cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Sở Tài chính.	
Phần thứ tư	Dự toán ngân sách địa phương		
	1. Tình hình thực hiện ngân sách địa phương năm hiện hành		
Biểu mẫu số 12	Đánh giá cân đối ngân sách địa phương năm...		
Biểu mẫu số 13	Đánh giá thực hiện thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 14	Đánh giá thực hiện chi ngân sách địa phương theo cơ cấu chi		
	2. Dự toán ngân sách địa phương năm sau		
Biểu mẫu số 15	Cân đối ngân sách địa phương năm...		
Biểu mẫu số 16	Dự toán thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 17	Dự toán chi ngân sách địa phương theo cơ cấu chi năm...		
Biểu mẫu số 18	Bội chi và phương án vay - trả nợ ngân sách địa phương năm...		
Phần thứ năm	Phân bổ ngân sách địa phương		
	1. Tình hình thực hiện ngân sách địa phương năm hiện hành		
Biểu mẫu số 19	Đánh giá cân đối nguồn thu, chi ngân sách cấp tỉnh (huyện) và ngân sách huyện (xã) năm...		
Biểu mẫu số 20	Đánh giá thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từng huyện (xã) năm...		

Biểu mẫu	Nội dung	Cơ quan báo cáo và nhận báo cáo	Ghi chú
Biểu mẫu số 21	Đánh giá thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từng huyện (xã) theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 22	Đánh giá thực hiện chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh (huyện) và chi ngân sách huyện (xã) theo cơ cấu chi năm...		
Biểu mẫu số 23	Đánh giá thực hiện chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 24	Đánh giá thực hiện chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 25	Đánh giá thực hiện chi đầu tư phát triển ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 26	Đánh giá thực hiện chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 27	Đánh giá thực hiện chi cân đối ngân sách từng huyện (xã) năm...		
Biểu mẫu số 28	Tình hình thực hiện kế hoạch tài chính các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý năm...		
Biểu mẫu số 29	Đánh giá thực hiện thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công năm..(không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước)		
2.	Phân bố dự toán ngân sách địa phương năm sau		
Biểu mẫu số 30	Cân đối nguồn thu, chi dự toán ngân sách cấp tỉnh (huyện) và ngân sách huyện (xã) năm...		
Biểu mẫu số 31	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từng huyện (xã)		
Biểu mẫu số 32	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từng huyện (xã) theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 33	Dự toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh (huyện) và ngân sách huyện (xã) theo cơ cấu chi năm...		
Biểu mẫu số 34	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 35	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 36	Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 37	Dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...		

Biểu mẫu	Nội dung	Cơ quan báo cáo và nhận báo cáo	Ghi chú
Biểu mẫu số 38	Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách cấp tỉnh (huyện) và ngân sách huyện (xã) năm....		
Biểu mẫu số 39	Dự toán thu, chi ngân sách địa phương và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới năm....		
Biểu mẫu số 40	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm....		
Biểu mẫu số 41	Dự toán chi ngân sách địa phương từng huyện (xã) năm....		
Biểu mẫu số 42	Dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh (huyện) cho ngân sách từng huyện (xã) năm....		
Biểu mẫu số 43	Dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ ngân sách cấp tỉnh (huyện) cho ngân sách từng huyện (xã) để thực hiện các chương trình mục tiêu năm....		
Biểu mẫu số 44	Dự toán bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp từ ngân sách cấp tỉnh (huyện) cho ngân sách từng huyện (xã) để thực hiện các chế độ, nhiệm vụ và chính sách theo quy định năm....		
Biểu mẫu số 45	Kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý năm....		
Biểu mẫu số 46	Danh mục các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước năm....		
Biểu mẫu số 47	Kế hoạch thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công năm.... (không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước)		
Phần thứ sáu	Quyết toán ngân sách địa phương		
Biểu mẫu số 48	Quyết toán cân đối ngân sách địa phương năm....		
Biểu mẫu số 49	Quyết toán cân đối nguồn thu, chi ngân sách cấp tỉnh (huyện) và ngân sách huyện (xã) năm....		
Biểu mẫu số 50	Quyết toán nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo lĩnh vực năm....		
Biểu mẫu số 51	Quyết toán chi ngân sách địa phương theo lĩnh vực năm....		
Biểu mẫu số 52	Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) theo lĩnh vực năm....		
Biểu mẫu số 53	Quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh (huyện) và chi ngân sách huyện (xã) theo cơ cấu chi năm....		
Biểu mẫu số 54	Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm....		

Biểu mẫu	Nội dung	Cơ quan báo cáo và nhận báo cáo	Ghi chú
Biểu mẫu số 55	Quyết toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 56	Quyết toán chi thường xuyên của ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 57	Tổng hợp quyết toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) của từng cơ quan, tổ chức theo nguồn vốn năm...		
Biểu mẫu số 58	Quyết toán chi ngân sách địa phương từng huyện (xã) năm...		
Biểu mẫu số 59	Quyết toán chi bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh (huyện) cho ngân sách từng huyện (xã) năm...		
Biểu mẫu số 60	Quyết toán thu ngân sách huyện (xã) năm...		
Biểu mẫu số 61	Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia năm...		
Biểu mẫu số 62	Quyết toán vốn đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước năm...		
Biểu mẫu số 63	Tổng hợp các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý năm...		
Biểu mẫu số 64	Tổng hợp thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công năm... (không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước)		
Phần thứ bảy	Một số biểu mẫu bổ sung phục vụ báo cáo kế hoạch 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm		
Biểu mẫu số 65	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách nhà nước từ các khoản phí và lệ phí giai đoạn năm	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng cho các cơ quan, đơn vị báo cáo cơ quan thuế, cơ quan tài chính và UBND cùng cấp; - UBND cấp dưới cung cấp số liệu cho Cục Thuế, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. 	
Biểu mẫu số 66	Báo cáo biên chế - tiền lương của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể giai đoạn năm		
Biểu mẫu số 67	Cơ sở tính chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề giai đoạn năm	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng cho các cơ quan, đơn vị báo cáo cơ quan tài chính và UBND cùng cấp; 	
Biểu mẫu số 68	Cơ sở tính chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình giai đoạn năm		
Biểu mẫu số 69	Cơ sở tính chi sự nghiệp khoa học và công nghệ giai đoạn năm		
Biểu mẫu số 70	Cơ sở tính chi sự nghiệp văn hóa thông tin giai đoạn năm		
Biểu mẫu số 71	Cơ sở tính chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn giai đoạn năm	<ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp dưới cung cấp số liệu cho Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh 	

Biểu mẫu	Nội dung	Cơ quan báo cáo và nhận báo cáo	Ghi chú
Biểu mẫu số 72	Cơ Sở tính chi sự nghiệp thể dục thể thao giai đoạn năm ...-...-...		
Biểu mẫu số 73	Cơ sở tính chi sự nghiệp bảo vệ môi trường giai đoạn năm ...-...-...		
Biểu mẫu số 74	Cơ sở tính chi các hoạt động kinh tế giai đoạn năm ...-...-...		
Biểu mẫu số 75	Chi tiết chi hoạt động kinh tế theo chương trình/dự án giai đoạn năm ...-...-...		
Biểu mẫu số 76	Cơ sở tính chi thực hiện chính sách đối với các đối tượng thuộc lĩnh vực bảo đảm xã hội giai đoạn năm ...-...-...		
Biểu mẫu số 77	Cơ sở tính chi thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng giai đoạn năm ...-...-...		
Biểu mẫu số 78	Cơ sở tính chi thực hiện chính sách trợ giúp xã hội giai đoạn năm ...-...-...		

DỰ BÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN NĂM ...-.....
(Dùng cho ngân sách tỉnh - năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mục tiêu giai đoạn trước	Thực hiện giai đoạn trước						Kế hoạch giai đoạn...
				Tổng giai đoạn	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm thứ năm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Tổng sản phẩm trong nước (GRDP) theo giá hiện hành	Triệu đồng								
2	Tốc độ tăng trưởng GRDP	%								
3	Cơ cấu kinh tế									
-	<i>Nông, lâm, ngư nghiệp</i>	%								
-	<i>Công nghiệp, xây dựng</i>	%								
-	<i>Dịch vụ</i>	%								
4	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	%								
5	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn	Triệu đồng								
	<i>Tỷ lệ so với GRDP</i>	%								
-	Vốn ngân sách nhà nước	Triệu đồng								
-	Vốn tín dụng	Triệu đồng								
-	Vốn doanh nghiệp và dân cư	Triệu đồng								
-	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Triệu đồng								
6	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD								
	<i>Tốc độ tăng</i>	%								
7	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD								
	<i>Tốc độ tăng</i>	%								
8	Dân số	1.000 người								
9	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng								
10	Giải quyết việc làm mới	1.000 lao động								
11	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%								
12	Tỷ lệ hộ nghèo	%								
13	Tỷ lệ giảm hộ nghèo	%/năm								
14	Tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	%								
15	Số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới (lũy kế)	Xã								
16									

Ghi chú: Cột 9 không chi tiết từng năm.

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 05 NĂM ... - ...
(Dùng cho ngân sách tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch giai đoạn trước	Thực hiện giai đoạn trước					Kế hoạch giai đoạn (2)	
			Tổng giai đoạn	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư		Năm thứ năm
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
A	TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GRDP) THEO GIÁ HIỆN HÀNH								
B	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN								
	Tốc độ tăng thu NSNN trên địa bàn (%)								
	Tỷ lệ thu NSNN so với GRDP (%)								
	Tỷ lệ thu từ thuế, phí so với GRDP (%)								
I	Thu nội địa								
	Tốc độ tăng thu (%)								
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)								
	Trong đó: Thu tiền sử dụng đất								
	Thu xổ số kiến thiết								
II	Thu từ dầu thô (nếu có)								
	Tốc độ tăng thu (%)								
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)								
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu (nếu có)								
	Tốc độ tăng thu (%)								
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)								
IV	Thu viện trợ (nếu có)								
	Tốc độ tăng thu (%)								
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)								
C	TỔNG THU NSDP								
	Tốc độ tăng thu NSDP (%)								
	Tỷ lệ thu NSDP so với GRDP (%)								
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp								
	Tốc độ tăng (%)								
	Tỷ trọng trong tổng thu NSDP (%)								
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên								
	Tốc độ tăng (%)								
	Tỷ trọng trong tổng thu NSDP (%)								
	- Thu bổ sung cân đối ngân sách								
	- Thu bổ sung có mục tiêu								
D	TỔNG CHI NSDP								
	Tốc độ tăng thu NSDP (%)								
	Tỷ lệ chi NSDP so với GRDP (%)								
I	Chi đầu tư phát triển (1)								
	Tốc độ tăng (%)								
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)								
II	Chi thường xuyên								
	Tốc độ tăng (%)								
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)								
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay								
	Tốc độ tăng (%)								
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)								
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương								
E	BỘI CHI/BỘI THU NSDP								
G	TỔNG MỨC VAY, TRẢ NỢ CỦA NSDP								
I	Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSDP								
II	Mức dư nợ đầu kỳ (năm)								
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)								
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ (năm) so với GRDP (%)								
III	Trả nợ gốc vay trong kỳ (năm)								
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc								
	- Từ nguồn bội thu NSDP; tăng thu, tiết kiệm chi; kết dư ngân sách cấp tỉnh								
IV	Tổng mức vay trong kỳ (năm)								
	- Vay để bù đắp bội chi								
	- Vay để trả nợ gốc								
V	Mức dư nợ cuối kỳ (năm)								
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)								
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ (năm) so với GRDP (%)								

Ghi chú : (1) Năm đầu tiên kỳ ổn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cộng với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).

(2) Cột 8 không chi tiết từng năm





Biểu

TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSNN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 05 NĂM.....
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó				Trong đó			
			Vốn trong nước		Vốn nước ngoài		Vốn trong nước		Vốn nước ngoài	
			Tổng số	Đầu tư theo ngành, lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị và cân đối NSDP	Tổng số	Đầu tư theo ngành, lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị và cân đối NSDP	Tổng số	Đầu tư theo ngành, lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị và cân đối NSDP	Tổng số	Đầu tư theo ngành, lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị và cân đối NSDP
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	
	Tổng số									
1	Cơ quan A									
2	Tổ chức B									
3									
4	Huyện A									
5	Thành phố TN									
6									
7	Xã A									
8	Phường B									
9	Thị trấn C									

Biểu mẫu số 03

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 05 NĂM
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 05 năm...(2)			Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 05 năm...(2)			Ghi chú
		Tổng số	Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)	Tổng số	Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ							
	Trong đó:							
	- Vốn trong nước							
	- Vốn nước ngoài							
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN							
	Trong đó:							
	- Vốn trong nước							
	- Vốn nước ngoài							
1	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất							
2	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết							
3	Vốn cân đối địa phương theo tiêu chí, định mức							
4	Bội chi/ bội thu NSDP (1)							
II	CHI ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU							
	Trong đó:							
	- Vốn trong nước							
	- Vốn nước ngoài							
1	Các chương trình mục tiêu quốc gia							
	Trong đó:							
	- Vốn trong nước							
	- Vốn nước ngoài							
a	Chương trình mục tiêu quốc gia ...							
	Trong đó:							
	- Vốn trong nước							
	- Vốn nước ngoài							
	Phân loại như trên							
...	...							
2	Các chương trình mục tiêu							
	Trong đó:							
	- Vốn trong nước							
	- Vốn nước ngoài							
a	Chương trình mục tiêu ...							
	Trong đó:							
	- Vốn trong nước							
	- Vốn nước ngoài							
b	Chương trình mục tiêu ...							
	Phân loại như trên							
...	...							
III	DỰ PHÒNG THEO LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG							
1	Vốn trong nước							
2	Vốn nước ngoài							

Ghi chú : (1) Theo quy định tại Điều 7 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có bội chi ngân sách địa phương;
(2) Ngân sách cấp xã không phải lập chi tiêu cột 2, 3, 5, 6.